

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày: 22/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm (HĐXX) gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thụy

Ông Nguyễn Tất Trọng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn M - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (VKSND) tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2023/TLST-HS ngày 17/01/2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HS, ngày ngày 27/02/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 07/3/2023, đối với:

1. Bị cáo: **Phạm Đình M**, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 4, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình C (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; vợ Hà Thị P và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; về Nhân thân: Bản án số 18 ngày 24/5/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cướp giật tài sản (đã chấp hành xong). Tháng 12/2011 Công an huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ theo quyết định số 137 ngày 02/11/2011 (đã chấp hành xong). Tháng 3/2012 Công an huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng theo quyết định xử phạt số 89 ngày 09/3/2012 (đã chấp hành xong). Tháng 10/2015 Công an huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng theo quyết định xử

phạt số 117 ngày 26/10/2015 (đã chấp hành xong). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

2. Bị cáo: **Hà Thị P**, sinh năm 1999. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 4, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th; chồng Phạm Đình M và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. **Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú** (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Khắc Cường, sinh năm 1993 - Trú tại: Khu 2, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Hoàng Anh, sinh năm 2002 - Trú tại: Khu 2, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Anh Bùi Tuấn Việt, sinh năm 1982 - Trú tại : Khu 3, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Bá Đông, sinh năm 1994 - Trú tại: Khu 1, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Như Nam (Chã), sinh năm 1993 - Trú tại: Khu 2, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Trọng Thế, sinh năm 1984 - Trú tại: Thôn Tranh Xuyên, xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Sơn Tùng, sinh năm 1994 - Trú tại: Thôn Tranh Xuyên, xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Anh Trần Hòa An, sinh năm 1991 - Trú tại : Thôn Đại Hà, xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đoàn Thị Thương, sinh năm 1997 - Trú tại: Thôn Đại Đồng, xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Chị Nguyễn Thị Tuyền, sinh năm 1992 - Trú tại: Thôn Cúc Thị, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

(Những người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Đình M và Hà Thị P kết hôn với nhau từ năm 2018, hiện vợ chồng M, P thuê nhà ở và buôn bán hoa quả tại số nhà 222, khu 3, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. M thấy có nhiều người có nhu cầu vay

tiền nhanh, thủ tục ngắn gọn nên M bàn bạc thống nhất với vợ sẽ cho một số đối tượng có nhu cầu cần tiền vay với lãi suất dao động từ 3.000 đồng đến 7.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày để kiếm lời. Vào khoảng thời gian giữa tháng 10/2020 M lên mạng Internets tìm và mua được trên trang Web tài khoản Mecash với giá 2.000.000 đồng (tài khoản này là một phần mềm ứng dụng ghi nhớ thông tin) tài khoản M đặt tên “Phuongmanh”, mật khẩu đăng nhập M đặt là “Phuong@99”. M và P thống nhất nếu có khách vay tiền thì cho khách vay và ghi nhớ các thông tin cho vay lên tài khoản Mecash “Phuongmanh” (bao gồm kí hiệu hoặc tên người vay, số tiền cho vay, mức lãi vay, thời hạn trả tiền, không ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của người vay) để cùng nhau theo dõi, quản lý, thống nhất chỉ sử dụng 210.000.000 đồng (gồm 10.000.000 đồng có từ trước và 200.000.000 đồng vay của anh Tài) làm vốn để hoạt động cho vay, tiền lãi phát sinh sẽ góp vào tiền gốc để trực tiếp cho khách vay chứ không bổ sung thêm nguồn tiền nào khác. Phạm Đình M trực tiếp cho những người sau đây vay tiền và thu lãi trực tiếp từ người vay, cụ thể như sau.

1. Anh Nguyễn Khắc Cường có vay tiền của M 02 lần, cụ thể:

Lần 1 vay 10.000.000 đồng vào ngày 11/12/2020 với lãi suất tính 3000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 07/01/2021 anh Cường đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi cho M là 870.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 696.000 đồng.

Lần 2 vay 10.000.000 đồng vào ngày 03/4/2021 cũng với lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày. Sau đó đến ngày 07/4/2021 anh Cường đã trả cho M 10.000.000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi, số tiền thu lời bất chính là 120.000 đồng.

M đã thu tổng số tiền lãi của anh Nguyễn Khắc Cường là 1.020.000 đồng, trong đó số tiền M thu lời bất chính khi cho anh Cường vay tiền là 816.000 đồng.

2. Anh Nguyễn Hoàng Anh có vay của M 02 lần cụ thể:

Lần 1 vay 10.000.000 đồng vào ngày 23/12/2020 với lãi suất tính 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, đến ngày 24/02/2021 anh Hoàng Anh đã trả cho M 4.500.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 3.600.000 đồng.

Lần 2 anh Hoàng Anh vay M số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 15/4/2021 với lãi suất 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Đến ngày 09/6/2022 anh Hoàng Anh đã trả cho M số tiền lãi 50.520.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 40.416.000 đồng.

M đã thu tổng số tiền lãi của anh Nguyễn Hoàng Anh là 55. 020.000 đồng, trong đó số tiền M thu lời bất chính là 44.016.000 đồng.

3. Anh Bùi Tuấn Việt có vay của M 20.000.000 đồng vào ngày 23/12/2020 với lãi suất tính 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Đến ngày 19/3/2021 anh Việt đã trả cho M số tiền lãi 9.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền M thu lời bất chính khi cho anh Việt vay tiền là 7.200.000 đồng.

4. Anh Nguyễn Bá Đông vay của M 02 lần cụ thể:

Lần 1 ngày 12/8/2021 vay số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất 5000 đồng/1 triệu/1 ngày, đến ngày 31/8/2021, Đông đã trả cho M tiền gốc và 32.250.000 đồng tiền lãi, số tiền thu lời bất chính là 25.800.000 đồng.

Lần thứ hai, anh Đông vay M 200.000.000 đồng vào ngày 17/11/2021 với lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày, đến ngày 16/12/2021 đã trả tiền gốc và 49.200.000 đồng tiền lãi, số tiền thu lời bất chính là 39.360.000 đồng.

M đã thu tổng số tiền lãi của anh Đông là 81.450.000 đồng, trong đó số tiền thu lời bất chính là 65.160.000 đồng.

5. Anh Nguyễn Trọng Thế có vay của M số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 26/11/2020 với lãi suất tính 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, đến ngày 06/7/2022 anh Thế đã trả cho M 53.300.000 đồng tiền lãi và 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền M thu lời bất chính khi cho anh Thế vay tiền là 42.640.000 đồng.

6. Anh Nguyễn Như Nam (Chã) có vay của M 05 lần cụ thể như sau:

Lần 1 anh Nam vay 50.000.000 đồng vào ngày 19/3/2021 với lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 07/4/2021 đã trả cho M 3.000.000 đồng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 2.400.000 đồng.

Lần 2 anh Nam vay 10.000.000 đồng vào ngày 22/3/2021 với lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày, đến ngày 07/4/2021 anh Nam đã trả 510.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 408.000 đồng.

Lần thứ 3: anh Nam vay 10.000.000 đồng vào ngày 20/4/2021 đến ngày 28/4/2021 anh Nam vay 9.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày, đến ngày 13/5/2021 anh Nam trả 10.000.000 đồng tiền gốc, đến ngày 19/5/2021 anh Nam trả 9.000.000 đồng tiền gốc và 1.371.000 đồng tiền lãi, số tiền thu lời bất chính là 1.096.800 đồng.

Lần thứ 4: anh Nam vay 30.000.000 đồng vào ngày 19/5/2021 với lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày, ngày 20/5/2021 anh Nam vay 10.000.000 đồng tiền gốc với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, ngày 03/6/2021 vay thêm 13.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, đến ngày 06/6/2021 anh Nam trả 13.000.000 đồng

tiền gốc, ngày 18/6/2021 anh Nam trả 40.000.000 đồng tiền gốc và 3.846.000 đồng tiền lãi, số tiền thu lời bất chính là 3.076.800 đồng.

Lần thứ 5: anh Nam vay 20.000.000 đồng vào ngày 26/6/2021 với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, đến ngày 28/6/2021 anh Nam trả 20.000.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, số tiền thu lời bất chính là 240.000 đồng.

Tổng tiền lãi mà M đã thu được của anh Nam là 9.027.000 đồng, số tiền M thu lời bất chính khi cho anh Nam vay tiền là 7.222.000 đồng.

7. Anh Nguyễn Sơn Tùng có vay của M 04 lần cụ thể:

Lần 1 vay 25.000.000 đồng vào ngày 02/5/2021 với lãi tính 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Đến ngày 16/5/2021 anh Tùng đã trả cho M 1.080.000 đồng tiền lãi và 25.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 864.000 đồng.

Lần 2 anh Tùng vay 10.000.000 đồng vào ngày 16/5/2021 lãi tính 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Ngày 14/6/2021 anh Tùng đã trả cho M 900.000 đồng tiền lãi, và 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 720.000 đồng.

Lần 3 anh Tùng vay 20.000.000 đồng vào ngày 14/6/2021 lãi tính 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Ngày 05/7/2021 anh Tùng đã trả cho M 1.092.000 đồng tiền lãi, và 20.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 873.600 đồng.

Lần 4 anh Tùng vay 18.000.000 đồng vào ngày 29/6/2022 lãi tính 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Ngày 24/8/2022 anh Tùng đã trả cho M 3.954.000 đồng tiền lãi, và 18.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 3.163.200 đồng.

Tổng số tiền lãi M đã thu của anh Tùng là 7.026.000 đồng, trong đó số tiền M thu lời bất chính khi cho anh Tùng vay tiền là 5.620.000 đồng.

Như vậy, M trực tiếp cho 07 trường hợp trên vay tổng số tiền là 685.000.000 đồng tiền gốc, thu lãi là 250.448.000 đồng, thu lời bất chính tổng là 114.030.000 đồng. (Sau khi nhân lãi và trừ đi 20% lãi suất theo quy định tại điều 476 Bộ luật dân sự).

Hà Thị P trực tiếp cho những người sau đây vay tiền và thu lãi trực tiếp từ người vay, cụ thể như sau:

1. Chị Đoàn Thị Thương có vay 04 lần cụ thể:

Lần 1 vào ngày 29/12/2020 chị Thương vay 10.000.000 đồng với lãi tính 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, đến ngày 22/02/2021 chị Thương đã trả cho P 2.300.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 1.840.000 đồng.

Lần 2 vào ngày 26/01/2021 chị Thương vay 10.000.000 đồng với lãi tính 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, đến ngày 22/02/2021 chị Thương đã trả cho P 840.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 672.000 đồng.

Lần 3 vào ngày 24/7/2021 chị Thương vay 50.000.000 đồng với lãi tính 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, đến ngày 20/8/2021 chị Thương đã trả cho P 3.870.000 đồng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là 3.096.000 đồng.

Lần 4 vào ngày 22/02/2021 chị Thương vay 115.000.000 đồng với lãi tính 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, đến ngày 17/9/2022 chị Thương đã trả P 157.020.000 đồng tiền lãi, số tiền thu lời bất chính là 125.616.000 đồng.

Hiện chị Thương đang còn nợ P 115.000.000 đồng tiền gốc, P xác định không thu tiền lãi của chị P sau ngày 17/9/2022 mà chỉ yêu cầu chị Thương trả tiền gốc số tiền 115.000.000 đồng đang nợ. Tổng số tiền lãi P thu của Thương là 164.030.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 131.224.000 đồng.

2. Chị Nguyễn Thị Tuyền vay P số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 23/4/2022 với lãi suất tính 3.000 đồng/1 triệu /1 ngày. Chị Tuyền đã trả cho P 2.520.000 đồng tiền lãi và 30.000.000 đồng tiền gốc. Hiện chị Tuyền không còn nợ tiền P. Số tiền P thu lời bất chính khi cho chị Tuyền vay là 2.021.000 đồng.

Như vậy, P đã trực tiếp cho 02 người vay là 215.000.000 đồng tiền gốc, thu lãi là 166.550.000 đồng, thu lời bất chính là 133.245.000 đồng.

Cáo trạng số 05/CT-VKS-NG, ngày 17/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Đình M, Hà Thị P về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận Cáo trạng truy tố là đúng. Ngoài ra bị cáo P xác định: Trong quá trình điều tra chị Đoàn Thị Thương còn nợ bị cáo 115.000.000 đồng chưa trả, tuy nhiên đến thời điểm xét xử vụ án chị Thương đã trả hết cho bị cáo P số tiền 115.000.000 đồng. Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Đình M, Hà Thị P. Căn cứ thêm điểm n khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Thị P. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đình M, Hà Thị P phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ”. Xử phạt bị cáo Phạm Đình M hình phạt chính với số tiền từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Xử phạt bị cáo Hà Thị P hình phạt chính với số tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng để nộp vào ngân sách

nhà nước. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về biện pháp tư pháp – Tịch thu số tiền các bị cáo sử dụng làm P tiện phạm tội là 900.000.000 đồng, trong đó tịch thu của Phạm Đình M 685.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng); tịch thu của Hà Thị P số tiền số tiền 215.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước – Tịch thu số tiền phát sinh từ tội phạm mà có là 169.723.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi ba ngàn đồng), trong đó tịch thu của bị cáo Phạm Đình M 136.418.000 đồng; tịch thu của bị cáo P 33.305.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh của Hà Thị P và 01 thẻ Sim. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2022 Phạm Đình M cùng vợ là Hà Thị P đã cho 09 trường hợp vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (tương đương từ 109.5% đến 185.5%/ 1 năm) gấp hơn 5 lần mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, thu lời bất chính tổng số tiền là 247.275.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Phạm Đình M, Hà Thị P về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần phải xem xét xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Hà Thị P có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Bị cáo Phạm Đình M đã bị tòa án xét xử về tội Cướp giật tài sản và ba lần bị xử phạt vi phạm hành chính (đã chấp hành xong).

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Đình M, Hà Thị P bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo P, M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo P khi phạm tội là phụ nữ có thai nên còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 điều 51 BLHS.

[6] Vai trò, vị trí của các bị cáo và việc quyết định hình phạt: Bị cáo M là người chủ mưu và trực tiếp cho 7 người vay, giữ vai trò thứ nhất; bị cáo P trực tiếp cho 02 người vay, đồng phạm với vai trò là người thực hành. HĐXX xét thấy hai bị cáo là vợ chồng đang nuôi 03 con nhỏ, phạm tội không thuộc trường hợp có tổ chức và băng ổ nhóm, không có tính chất chuyên nghiệp, có nghề nghiệp buôn bán, thu nhập đảm bảo cho việc thi hành án, do đó căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3, Nghị quyết số 01, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục; tạo điều kiện cho các bị cáo sớm sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi liên quan là anh Nguyễn Khắc Cường, Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Như Nam, Nguyễn Sơn Tùng, Nguyễn Bá Đông, Nguyễn Trọng Thế, Bùi Tuấn Việt, chị Nguyễn Thị Tuyền, Đoàn Thị Thương không yêu cầu bị cáo Phạm Đình M, Hà Thị P phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà cho bị cáo số tiền này, HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp;

- Đối với điện thoại di động Iphone 12 Promax, màu xanh, thu giữ của Hà Thị P sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc 900.000.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là P tiện phạm tội, cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước tương ứng với số tiền từng bị cáo cho vay. Trong đó bị cáo M trực tiếp cho 07 đối tượng vay 685.000.000 đồng; bị cáo P trực tiếp cho 02 đối tượng vay 215.000.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi các bị cáo đã thu trong phạm vi pháp luật cho phép (20%/năm) là 169.723.000 đồng, trong đó của M là 136.418.000 đồng, của P là 33.305.000 đồng tuy không tính để xem xét trách nhiệm hình sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ phạm tội mà có nên buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá phạm vi pháp luật cho phép (trên 20%/năm) 247.275.000 đồng. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính bị cáo phải trả lại cho những người vay, tuy nhiên những người vay không yêu cầu Phạm Đình M, Hà Thị P phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà cho các bị cáo số tiền này, do vậy HĐXX không tịch thu số tiền thu lợi bất chính.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Đình M, Hà Thị P. Căn cứ thêm điểm n khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Thị P.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đình M, Hà Thị P phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ”

- Xử phạt bị cáo Phạm Đình M hình phạt chính với số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Hà Thị P hình phạt chính với số tiền 250.000.000 (Hai trăm lăm mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2.1 Biện pháp tư pháp:

Tịch thu số tiền các bị cáo sử dụng làm P tiện phạm tội là 900.000.000 đồng, trong đó tịch thu của Phạm Đình M 685.000.000 (Sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng); tịch thu của Hà Thị P số tiền số tiền 215.000.000 (Hai trăm mười lăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu số tiền phát sinh từ tội phạm mà có là 169.723.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi ba ngàn đồng), trong đó tịch thu của bị cáo Phạm Đình M 136.418.000 đồng; tịch thu của bị cáo Hà Thị P 33.305.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh của Hà Thị P.

Tịch thu hủy bỏ 01 thẻ Sim thuê bao (không kiểm tra được số thuê bao)

(Vật chứng có đặc điểm như ghi tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/02/2023 giữa Cơ quan CSĐT công an huyện Ninh Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương)

3-Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Đình M, Hà Thị P. mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những nội dung có liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người có quyền lợi liên quan;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện Ninh Giang;
- CQ THAHS Công an huyện Ninh Giang;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Xuân Trường